

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ- ST
Ngày 11-01-2022
V/v ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hồng

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15-12-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31-12-2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989- Có mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 25-5-2009, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L. Sau khi kết hôn chị T và anh L sống hòa thuận đến tháng 6-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè, cờ bạc, về nhà chửi mắng vợ con. Anh L còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị T có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Chị T và anh L đã sống ly thân từ tháng 7-2020 không còn quan tâm đến

nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23-10-2015 và Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 02-3-2018. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu N và cháu L1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị T được ly hôn anh L; giao hai cháu N và cháu L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 25-5-2009, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L sống hòa thuận đến tháng 6-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè, cờ bạc, về nhà chửi mắng vợ con. Chị T và anh L đã

sống ly thân từ tháng 7-2020 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Đối với anh L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần anh L vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh L biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh L không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 22-11-2021 ở Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y nơi chị T và anh L cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên rượu chè, cờ bạc về nhà chửi mắng vợ con. Chị T và anh L không chung sống cùng nhau từ tháng 7-2020. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị T và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị T được ly hôn anh L.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh L có hai con chung tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23-10-2015 và Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 02-3-2018. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu N và cháu L1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L vắng mặt không có lý do mặc dù anh biết việc chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu N và cháu L1, nhưng anh L không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu N và cháu L1 còn nhỏ Hiện nay đang ở cùng chị T, nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo ổn định tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu N và cháu L1 cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao hai cháu N và cháu L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2- *Về con chung xử*: Giao hai cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23-10-2015 và Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 02-3-2018 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002060 ngày 25-10-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Y
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh